*Ngày 4 tháng 9 năm 2024 Họ và tên: Trần Thị Cẩm*

 *Tổ: Khoa học xã hội*

**BÀI 1: THƯƠNG NHỚ QUÊ HƯƠNG**

*Môn học: Ngữ văn; lớp 9*

*Thời gian thực hiện: 13 tiết*

**I.MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

**1.Về kiến thức**

- Tri thức ngữ văn:

 +VB văn học; hình thức nghệ thuật của VB văn học.

 + Kết cấu của bài thơ; ngôn ngữ thơ.

– Tri thức tiếng Việt: biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh và điệp vần: đặc điểm và tác dụng.

- Làm một bài thơ tám chữ.

- Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ tám chữ.

-Thảo luận về một vấn đề trong đời sống.

**2. Về năng lực**

*a. Năng lực chung:*

– Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.

– Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

– Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

– Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

- Bước đầu biết làm một bài thơ tám chữ.

- Viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ tám chữ.

-Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

b. *Năng lực đặc thù:*

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận ra được ngữ cảnh giao tiếp, đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp.

– Năng lực sáng tạo: Có những lí giải mới mẻ về VB.

**3. Về phẩm chất**

– Thể hiện tình yêu quê hương bằng những hành động thiết thực.

– Chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

– Máy chiếu dùng chiếu ngữ liệu, tranh ảnh (nếu có).

– Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

– Sơ đồ, biểu bảng.

– PHT, bảng kiểm kĩ năng đọc diễn cảm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ ( 7 phút)**

**1. Hoạt động tìm hiểu chủ điểm và câu hỏi lớn của bài học**

***a. Mục tiêu:***

– Bước đầu nhận ra ý nghĩa của chủ điểm.

– Xác định được thể loại chính và câu hỏi lớn của bài học.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về tên chủ điểm, câu hỏi lớn của bài học và thể loại sẽ học.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nêu một số hình ảnh nổi bật và ấn tượng sâu sắc của em về quê hương.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày ý kiến, các HS khác bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:* GV tổng hợp các ý kiến của HS, kết luận thể loại chính của bài học là thơ, thể hiện qua các VB 1, 2, 4, thể loại đó được lồng ghép trong chủ điểm *Thương nhớ quê hương*, thể hiện qua 4 VB và các nội dung Viết, Nói và nghe.

 **2. Hoạt động xác định nhiệm vụ học tập**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết nhiệm vụ học tập phần Đọc.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập phần Đọc.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*HS đọc tên bài học, đọc bốn chấm tròn đầu tiên trong khung *Yêu cầu cần đạt*, đọc lướt tên các VB 1, 2, 3, 4 trong chủ điểm và trả lời câu hỏi:

– Nhiệm vụ học tập chính của các em về Đọc ở bài học này là gì?

– Dự đoán nhiệm vụ đó sẽ được thực hiện qua các VB đọc nào?

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*HS đọc SGK và tìm câu trả lời.

*\* Báo cáo, thảo luận:*Hai đến ba HS trả lời, HS khác nhận xét câu trả lời của bạn.

*\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét về câu trả lời của HS và kết luận:

***–*** Ở các lớp dưới, các em đã học kĩ năng đọc hiểu thơ, ở bài học này, các em tiếp tục học kĩ năng đọc hiểu thể loại thơ nói chung, qua ba VB: *Quê hương, Bếp lửa, Mùa xuân nho nhỏ*.

***–*** Qua việc đọc VB : *Vẻ đẹp của Sông Đà,* các em sẽ hiểu thêm về quê hương và tình cảm đối với quê hương.

 **B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**ĐỌC**

**1. Hoạt động tìm hiểu Tri thức Ngữ văn (phần tri thức đọc hiểu)( 45 phút)**

**1.1. Văn bản văn học và Hình thức nghệ thuật của văn bản văn học**

***a. Mục tiêu:***

– Nhận biết thế nào là VB văn học.

– Nhận biết thế nào là hình thức nghệ thuật của VB văn học.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

(1) Nhóm 4, 5 HS đọc mục *VB văn học* trong SGK, gạch chân các từ khoá thể hiện định nghĩa, đặc điểm của VB văn học về độ dài, cấu trúc, sau đó tìm một số ví dụ điền vào bảng sau:

|  |
| --- |
| VB văn học là: -------------------------------------------------------Hình thức tồn tại: (1) ......................................; (2) ................................................. ...................... |
| Đặc điểm về độ dài | VB văn học có độ dài một, hoặc hai câu mà em biết là: ....................................................................................................... | VB văn học có độ dài hàng chục hoặc hàng trăm trang giấy mà em biết là: ........................................................................................................................... |

 (2) Yêu cầu HS liệt kê một số tác phẩm văn học mà em biết

 (3) Đọc bài thơ *Bạn đến chơi nhà* của nhà thơ Nguyễn Khuyến (hoặc một bài thơ khác): xác định bố cục bài thơ và nội dung chính của từng phần; chỉ ra cách sử dụng ngôn ngữ, biện pháp tu từ, cách gieo vần, ngắt nhịp của bài thơ.

 *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thảo luận lần lượt 3 nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:* 1 – 2 nhóm phát biểu, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*Tổng hợp ý kiến của HS và bổ sung theo định hướng sau:

(1) ***– Tác phẩm văn học là một công trình nghệ thuật ngôn từ, kết quả hoạt động sáng tác của cá nhân hoặc tập thể nhà văn.***

***– Tác phẩm văn học dân gian (cổ tích, truyền thuyết, ca dao,...): là sáng tác của một tập thể tác giả (tác giả dân gian) và được truyền miệng, các tác phẩm văn học khác (Trong lời mẹ hát, Đợi mẹ, Bồng chanh đỏ,...) là sáng tác của một tác giả, được thể hiện bằng văn tự (dạng viết).***

***- Quy mô: có thể chỉ là vài câu, vài dòngbđến hàng vạn câu, hàng ngàn trang***

***- Cấu trúc: Là một hhej thống phức tạp gồm hàng loạt***  ***các yếu tố thuộc bình diện nội dung, hình thức.*** GV có thể trình chiếu sơ đồ minh hoạ cho điều này

VB văn học

Hình thức

Từ ngữ, hình ảnh

Kết cấu

Biện pháp tu từ

Gieo vần, ngắt nhịp

........................

Nội dung

Đề tài

Cốt truyện

Nhân vật

Cảm hứng chủ đạo

cục

Chủ đề, tư tưởng

........................

Ngôn ngữ

(3) Bố cục bài thơ gồm 3 phần: p 1 (Câu đầu): Giới thiệu sự việc.,p2 (6 câu tiếp): Hoàn cảnh của nhà thơ khi bạn đến chơi, p3 (Câu cuối): Tình cảm thắm thiết của nhà thơ đối với bạn.

- Từ ngữ, hình ảnh được tác giả sử dụng:

+ Muốn ra chợ thì chợ xa

+ Muốn sai bảo trẻ thì trẻ lại vắng nhà

+ Muốn bắt cá thì ao sâu

+ Muốn bắt gà vườn rộng, rào thưa

+ Những thực phẩm như thịt, cá, rau đậu của vườn lại chưa ăn được

+ Miếng trầu cũng không có

- Nghệ thuật đối kết hợp với biện pháp nghệ thuật liệt kê những điều mà tác giả không có.

=> Tạo ra tình huống có sẵn mọi thứ nhưng hóa ra lại không có gì, từ đó làm nổi bật tình cảm mang ra tiếp bạn.

 - Cách hiệp vần : có gieo vần ở các chữ cuối của các câu 1,2,4,6,8 ( Vần a : nhà - xa - gà - hoa - ta ) ngắt nhịp 4/3.Tất cả những yếu tố hình thức trên tạo nên tính chỉnh thể của VB, góp phần thể hiện cảm xúc vui sướng khi bạn đến đồng thời văn bản cho ta hiểu rõ hoàn cảnh nhà thơ, tình cảm thắm thiết của nhà thơ với bạn.

Từ đó GV kết luận: ***hình thức nghệ thuật của văn bản văn học là cách tổ chức, kết nối mọi yếu tố( bố cục, bptt, vần, nhịp...) nhằm tạo nên chỉnh thể của tác phẩm.***

**1.2. Kết cấu của bài thơ, ngôn ngữ thơ**

***a. Mục tiêu:***

– Nhận biết được thế nào là kết cấu của bài thơ.

– Nhận biết được đặc điểm của ngôn ngữ thơ.

***b. Sản phẩm:*** Thông tin trong bảng về kết cấu và ngôn ngữ thơ.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

(1) Nhóm 4, 5 HS đọc mục *Kết cấu của bài thơ* trong SGK, đọc lại bài *Bạn đến chơi nhà* và điền vào bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Một số phương diện của kết cấu bài thơ** | **Kết cấu của bài thơ** ***Bạn đến chơi nhà***  | **Chủ đề bài thơ*****Bạn đến chơi nhà***  |
| (1) .................................... | ............................................................ | ...................................................................................................................................................................................................................................... |
| (2) .................................... | ............................................................ |
| (3) .................................... | ............................................................ |
| (4) .................................... | ............................................................ |

(2) Nhóm 2 đọc mục *Ngôn ngữ thơ* trong SGK, đọc lại bài thơ *Bạn đến chơi nhà*  tìm một số từ ngữ có tính hàm súc, giàu hình ảnh, giàu nhạc điệu và điền vào bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Một số đặc điểm của ngôn ngữ thơ** | **Đặc điểm ngôn ngữ bài thơ** ***Bạn đến chơi nhà***  |
| Hàm súc, ngắn gọn, gợi nhiều hơn tả | .............................................................................. |
| Giàu hình ảnh | .............................................................................. |
| Giàu nhạc điệu | .............................................................................. |

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ từ 1***🡪*** 2.

*\* Báo cáo, thảo luận:*Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét, bổ sung cho câu trả lời của HS theo định hướng:

(1)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Một số phương diện của kết cấu bài thơ** | **Kết cấu của bài thơ** ***Bạn đến chơi nhà***  | **Chủ đề bài thơ*****Bạn đến chơi nhà***  |
| (1) Sự lựa chọn thể thơ | Thể thơ Thất ngôn bát cú | Cảm xúc vui sướng khi bạn đến đồng thời văn bản cho ta hiểu rõ hoàn cảnh nhà thơ, tình cảm thắm thiết của nhà thơ với bạn. |
| (2) Sự sắp xếp các phần, các đoạn (bố cục) | Bố cục gồm 3 phần: 1 câu đầu, 6 câu giữa và 1 câu cuối |
| (3) Sự triển khai mạch cảm xúc | Mạch cảm xúc: Giới thiệu tình huống bạn đến chơi = > Niềm vui hồ hơi khi bạn đến chơi+ 6 câu tiếp: Hoàn cảnh tiếp đãi bạn = > Tiếng cười hóm hỉnh, đùa vui trước hoàn cảnh eo le+ Câu cuối: Quan niệm về tình bạn => Trân trọng, tình cảm sâu sắc của mình dành cho bạn |
| (4) Sự phối hợp của vần, nhịp, hình ảnh thơ, các biện pháp tu từ | - Cách hiệp vần : có gieo vần ở các chữ cuối của các câu 1,2,4,6,8 ( Vần a : nhà - xa - gà - hoa - ta )Ngắt nhịp: chủ yếu là ngắt nhịp 4/3Lựa chọn những câu từ dân dã và gần gũi để truyền tải một thông điệp đơn giản nhưng sâu sắc về tình bạn và giá trị của nó. Sử dụng những từ ngữ phù hợp và sắc nét, bài thơ tạo nên một thanh điệu vui vẻ và hoạt bát, mang lại cho độc giả một trạng thái tinh thần lạc quan và sảng khoái. |

(2)

|  |  |
| --- | --- |
| **Một số đặc điểm của ngôn ngữ thơ** | **Đặc điểm ngôn ngữ bài thơ*****Bạn đến chơi nhà***  |
| Hàm súc, ngắn gọn, gợi nhiều hơn tả | Cụm từ *Ta với ta* |
| Giàu hình ảnh | Ngôn ngữ giản dị, thuần Việt.+ Mang đậm đời sống chân quê, lời thơ Đường luật mà như lời nói thường.+ Sự vật đưa vào thơ gần gũi, quen thuộc. |
| Giàu nhạc điệu | Lời thơ hóm hỉnh, giản đơn nhưng gần gũi.  |

**Từ đó, GV kết luận theo định hướng SGK về kết cấu bài thơ, ngôn ngữ thơ**

**2. Hoạt động đọc văn bản 1: QUÊ HƯƠNG( Tế Hanh)( 90 phút)**

**2.1. Chuẩn bị đọc**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt kiến thức nền về tình cảm đối với quê hương.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS*.*

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS trả lời câu hỏi *Chuẩn bị đọc* trong SGK.

*\* Thực hiện nhiệm vụ*: 2 HS trao đổi với nhau.

*\* Báo cáo, thảo luận:*Mời một vài HS trình bày câu trả lời trước lớp.

*\* Kết luận, nhận định:*Dựa trên câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học.

**2.2. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:***

– Đọc diễn cảm, thể hiện được cảm xúc của nhà thơ.

– Vận dụng kĩ năng tưởng tượng, suy luậnvào quá trình đọc VB.

- Tìm hiểu chungvề tác giả, tác phẩm

***b. Sản phẩm***: Phần ghi chép của HS cho câu hỏi ở phần *Trải nghiệm cùng VB*.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* Đọc diễn cảm VB và ghi lại câu trả lời cho các câu hỏi tưởng tượng, suy luận trong SGK. Tìm hiểu về nhà thơ Tế Hanh và xuất xứ của bài thơ *Quê hương*

***\**** *Thực hiện nhiệm vụ:*Nhóm hai HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:*Đại diện nhóm trả lời, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*

***-*** Nhận xét về kĩ năng đọc diễn cảm của HS; ghi nhận tưởng tượng, suy luận của HS. Sau đó, GV chia sẻ những gì mình tưởng tượng, suy luận với HS.

***- Tế Hanh (1921 – 2009), tên thật là Trần Tế Hanh, quê tỉnh Quảng Ngãi.***Thơ ông như dòng sông quê hương bình dị, trôi chảy êm đềm mà đậm chất trữ tình, ân nghĩa. Sau nhiều năm cầm bút, ông đã để lại rất nhiều bài thơ hay được giới phê bình đánh giá rất cao, được độc giả ghi nhận như: Hoa niên, Gửi miền Bắc, Tiếng sóng, Hai nửa yêu thương..

- ***“Quê hương” in trong tập Hoa niên 1945 là một trong số những bài thơ xuất sắc của Tế Hanh. Bài thơ được sáng tác khi tác giả mới tròn mười tám tuổi, đang theo học trung học ở Huế. Bài thơ là nỗi nhớ, là tình yêu nồng nàn đối với quê hương.***

**2.3. Suy ngẫm và phản hồi**

***2.3.1. Tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp***

***a. Mục tiêu:***  Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, ngôn ngữ, biện pháp tu từ; có những lí giải mới mẻ về VB.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời miệng của HS và thông tin trong bảng.

***c. Tổ chức thực hiện:***

\* *Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 2 HS thực hiện các nhiệm vụ sau:

 (1)Đọc lại bài thơ và điền vào bảng sau (câu 1 trong SGK).

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ ngữ thể hiện hình ảnh dân chài** | **Từ ngữ thể hiện hình ảnh làng chài** |
| ........................................................................ | ..................................................................... |

 (2)Đọc 6 dòng thơ, tìm các biện pháp tu từ, xác định tác dụng của chúng(câu 2 trong SGK).

|  |  |
| --- | --- |
| **Biện pháp tu từ** | **Tác dụng** |
| .............................................................................................................................................. | .............................................................................................................................................. |

(3) Đọc lại toàn bộ bài thơ, xác định cách gieo vần, ngắt nhịp và phân tích tác dụng của chúng (câu 3 trong SGK).

(4) Đọc lại toàn bộ bài thơ và điền thông tin vào bảng sau (câu 4 trong SGK):

**YẾU TỐ MIÊU TẢ VÀ BIỀU CẢM**

|  |  |
| --- | --- |
| **Yếu tố miêu tả** | **Yếu tố biểu cảm** |
| Miêu tả dân chài:……………………………………………….Miêu tả con thuyền và cảnh đánh bắt cá: ………………………………………………. | Thể hiện tình cảm của nhà thơ: ………………………………………………. |
| Tác dụng của việc kết hợp hai yếu tố: …………………………………………………………. |

***\**** *Thực hiện nhiệm vụ:*4, 5 HS/ nhóm lần lượt thực hiện các nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:*Các nhóm treo sơ đồ, so sánh các bảng, nêu nhận xét.

*\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, khen ngợi tinh thần làm việc của các nhóm, bổ sung câu trả lời của HS dựa trên định hướng sau:

**Câu 1:**

– **Từ ngữ thể hiện hình ảnh dân chài**: *phăng mái chèo*, *làn da ngăm rám nắng/ cả thân hình nồng thở vị xa xăm;*

– **Từ ngữ thể hiện hình ảnh làng chài**: cánh buồm: *giương to như mảnh hồn làng/ rướn thân trắng*; hình ảnh chiếc thuyền với những con cá: *thân bạc trắng*; hình ảnh con thuyền: *hăng như con tuấn mã*; hình ảnh dân làng: *tấp nập đón ghe về*.

**Câu 2:**

– **So sánh mới lạ, dùng cái cụ thể (*cánh buồm*) để chỉ cái trừu tượng (*mảnh hồn làng*).** Tác dụng: làm cho hình ảnh cánh buồm quen thuộc trở nên thiêng liêng, thơ mộng, đồng thời gợi tả sự hiên ngang, mạnh mẽ của người dân miền biển, hoà mình vào thiên nhiên, đương đầu với thử thách.

– **Nhân hoá: *Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*/ *Nghe chất muối* *thấm dần trong thớ vỏ*.** Tác dụng: gợi tả cảm giác yên bình, trầm tư sau những ngày sóng gió trên biển.

**Câu 3:** **Vần chân, liền (*giang/ làng, sông/ hồng, trắng/ nắng, xăm/ nằm*), vần cách đồng thời là vần thông (*vôi/ khơi*), cách ngắt nhịp 3/5 kết hợp với 3/2/3, 4/4 tạo nên nhịp điệu uyển chuyển cho bài thơ, góp phần thể hiện tình cảm quê hương trong sáng, tha thiết của nhà thơ.**

**Câu 4:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Yếu tố miêu tả** | **Yếu tố biểu cảm** |
| Miêu tả dân chài: *làn da ngăm rám nắng, phăng mái chèo mạnh mẽ, thân hình nồng thở vị xa xăm*Miêu tả con thuyền và cảnh đánh bắt cá: *trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng, cánh buồm giương to, rướn thân trắng, tấp nập đón ghe về, màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,...* | Thể hiện tình cảm của nhà thơ: *lòng tôi luôn tưởng nhớ, tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá*  |
| Tác dụng của việc kết hợp hai yếu tố: vừa gợi tả sống động bức tranh cuộc sống lao động đầy chất thơ của làng chài, vẻ đẹp khoẻ mạnh, cường tráng của người dân chài vừa thể hiện tình cảm thương nhớ quê hương. Tuy nhiên, yếu tố biểu cảm vẫn là chủ đạo vì toàn bộ hệ thống hình ảnh quê hương được hiện lên thông qua nỗi nhớ của một người con xa quê, vì thế, các hình ảnh miêu tả là phương tiện để thể hiện nỗi nhớ của nhân vật trữ tình.  |

***2.3.2. Tìm hiểu mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo***

***a. Mục tiêu:***  Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

***b. Sản phẩm:*** Sơ đồ của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

\* *Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 5 HS điền vào sơ đồ sau để xác định cảm xúc và cảm hứng chủ đạo của bài thơ (câu 5 trong SGK):

**Cảm xúc thể hiện trong các khổ 1, 2, 3:**

................................................................................................

**Cảm xúc thể hiện trong khổ 4:**

...............................................................................................

**Cảm hứng chủ đạo của bài thơ:**

...............................

...............................

...............................

...............................

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm 5 HS thực hiện.

*\* Báo cáo, thảo luận:* Các nhóm trình bày sơ đồ, cả lớp thảo luận so sánh các sơ đồ.

*\* Kết luận, nhận định:* GV tổng hợp ý kiến của các nhóm, ghi ý hay trong câu trả lời của HS lên bảng, sau đó định hướng HS như sau:

– **Cảm xúc tự hào về quê hương được thể hiện gián tiếp qua những hình ảnh gợi tả sống động vẻ đẹp lao động của dân chài, cuộc sống làng chài (khổ 1, 2, 3), cảm xúc nhớ thương quê hương da diết từ màu sắc (*màu nước xanh, cá bạc, cánh buồm vôi*) đến mùi vị nồng mặn của biển cả (khổ 4).**

**– Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là cảm hứng ca ngợi cuộc sống lao động của người dân chài.**

***2.3.3. Tìm hiểu kết cấu, chủ đề***

***a. Mục tiêu:***

– Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua kết cấu.

– Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

***b. Sản phẩm:*** Sơ đồ về kết cấu của VB, câu trả lời về chủ đề và một số hình thức nghệ thuật góp phần thể hiện chủ đề.

***c. Tổ chức thực hiện:***

\* *Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 4, 5 HS thực hiện các nhiệm vụ sau:

(1) Xem lại câu trả lời cho câu hỏi 5, xem lại mục *Kết cấu của bài thơ* trong SGK và điền vào sơ đồ sau (câu 6 trong SGK).

Cách triển khai mạch cảm xúc

...............................

Kết cấu

......................

......................

......................

......................

Cách kết hợp giữa miêu tả và biểu cảm

............................................................................................

Cách sắp xếp bố cục

...............................

(2) Nêu chủ đề bài thơ và liệt kê một số căn cứ giúp em xác định chủ đề (câu 7 trong SGK).

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:* 2 nhóm trình bày kết quả thảo luận/ các nhóm khác bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:* GV tổng hợp ý kiến của các nhóm, ghi ý hay trong câu trả lời của HS lên bảng, sau đó định hướng HS như sau:

**Câu 6:** **Kết cấu của bài thơ là sự tổ chức chặt chẽ, sinh động các yếu tố sau:**

– **Cách sắp xếp bố cục:** bài thơ mở đầu với hai dòng thơ giới thiệu khái quát về nghề nghiệp của dân làng, vị trí của làng, sau đó tiếp nối với hình ảnh lao động của cuộc sống làng chài (khổ 2, khổ 3) và kết lại với nỗi nhớ làng chài, nỗi nhớ quê hương qua những hình ảnh đầy màu sắc (*nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi*) và mùi vị *nồng mặn* của quê hương.

– **Cách triển khai mạch cảm xúc:** tình yêu tha thiết với quê hương được thể hiện gián tiếp qua cách tả về làng, về người dân chài và cuộc sống của họ (khổ 1, 2, 3), qua cách nhìn, cách phóng chiếu những hình ảnh cụ thể thành những hình ảnh lớn lao, kì vĩ, mang linh hồn của quê hương 🡪 Thể hiện trực tiếp tình yêu quê hương ở khổ cuối với những từ cảm thán, nỗi nhớ da diết qua những hình ảnh cụ thể đầy màu sắc, hương vị của cuộc sống lao động: *màu nước xanh, cá bạc, cánh buồm vôi*, *mùi nồng mặn* của biển cả (khổ 4).

– **Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa miêu tả và biểu cảm**, xét về số lượng thì 18/20 dòng thơ miêu tả, chỉ có hai dòng thơ là biểu lộ trực tiếp tình cảm của tác giả (*Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ/ Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá*). Tuy nhiên, phương thức thể hiện chủ yếu vẫn là biểu cảm vì toàn bộ hệ thống hình ảnh quê hương được hiện lên thông qua nỗi nhớ của một người con xa quê, vì thế, các hình ảnh miêu tả là phương tiện để thể hiện nỗi nhớ của nhân vật trữ tình.

– **Bên cạnh ba yếu tố trên, các yếu tố khác của bài thơ như cách dùng vần liền, vần chân, cách ngắt nhịp (xem lại câu trả lời cho câu 3), cách sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá (xem lại câu trả lời cho câu 2) đã giúp cho bài thơ trở thành một chỉnh thể toàn vẹn và thể hiện tốt nhất hình ảnh vừa thân thuộc vừa lớn lao, kì vĩ của quê hương và tình yêu tha thiết với quê hương của tác giả.**

**Câu 7: Chủ đề: Hình ảnh quê hương qua bức tranh sinh hoạt làng chài vùng biển trong nỗi nhớ của tác giả.** Chủ đề này được thể hiện qua các hình thức nghệ thuật như giọng điệu trìu mến, thiết tha, bố cục bài thơ, mạch cảm xúc, các biện pháp nhân hoá, so sánh, nghệ thuật sáng tạo hình ảnh,…

***2.3.4. Liên hệ, vận dụng***

***a. Mục tiêu:***  Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB văn học mang lại.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS (câu 8 trong SGK).

***c. Tổ chức thực hiện:***

\* *Giao nhiệm vụ học tập:*Ghi câu trả lời (câu 8trong SGK) vào các giấy ghi chú và dán lên bảng học tập của lớp.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện.

*\* Báo cáo, thảo luận:*HS dán câu trả lời lên bảng học tập của lớp, một vài HS chia sẻ phần ghi chép của mình.

*\* Kết luận, nhận định:*GV chọn đọc ngẫu nhiên một số câu trả lời của HS, sau đó, chia sẻ về ấn tượng sâu đậm của GV đối với bài thơ,

**2.4. Khái quát đặc điểm thể loại và hướng dẫn đọc văn bản 2: *Bếp lửa( Bằng Việt)***

***a. Mục tiêu:***

– Khái quát được một số đặc điểm của thơ qua VB *Quê hương*.

– Thực hiện được các nhiệm vụ đọc ở nhà qua VB *Bếp lửa*.

***b. Sản phẩm:*** Sơ đồ và kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (phiếu đọc).

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

(1) Tại lớp: Nhóm 2 HS: dựa vào tri thức nền, vẽ sơ đồ khái quát một số đặc điểm của thơ, từ đó, rút ra cách đọc thể loại thơ.

(2) Bài tập về nhà: HS đọc VB *Bếp lửa,* trả lời câu hỏi phần *Chuẩn bị đọc,* ở phần *Trải nghiệm cùng VB*, điền câu trả lời vào phiếu đọc sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐỌC**Đọc VB *Bếp lửa*, trong quá trình đọc, chú ý đến các câu hỏi trong các khung và kí hiệu trên trang SGK, hoàn thành các cột 1, 2, 3 trong bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu hỏi(1) | Kĩ năng đọc (2) | Trả lời của ***tôi*** (3) | Trao đổi của ***bạn*** (4) |
| Câu 1 |  |  |  |
| Câu 2 |  |  |  |
| Câu 3 |  |  |  |

 |

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*

(1) Các nhóm trình bày sơ đồ, sau đó, so sánh, nhận xét xem sơ đồ của nhóm nào đầy đủ, chính xác, trình bày khoa học, đẹp mắt.

(2) HS ghi chú kết quả đọc VB *Bếp lửa* vào phiếu đọc (thực hiện ở nhà và báo cáo vào tiết học sau).

\* *Báo cáo, thảo luận:* đại diện một số nhóm trình bày sơ đồ và cách đọc thể loại thơ, các nhóm khác góp ý, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*

**Cách đọc:** Đọc bất kì VB thơ nào đều cần:

– Tìm các từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu 🡪 suy luận ý nghĩa của chúng.

– Phân tích bố cục 🡪 làm rõ mạch cảm xúc 🡪 cảm hứng chủ đạo.

– Phân tích nét đặc sắc của hình thức nghệ thuật (thể thơ, cách gieo vần, ngắt nhịp, các biện pháp tu từ, cách triển khai mạch cảm xúc,…) 🡪 làm rõ tác dụng đối với việc thể hiện nội dung tác phẩm.

– Phân tích nét độc đáo của kết cấu tác phẩm.

– Khái quát về chủ đề, thông điệp 🡪 làm rõ chủ đề, thông điệp được thể hiện qua những yếu tố hình thức.

(2) Thực hiện trên lớp ở tiết học tiếp theo.

**3. Hoạt động đọc văn bản 2: BẾP LỬA( Bằng Việt*)( 83 phút)***

**3.1. Chuẩn bị đọc**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt kiến thức nền về kỉ niệm của HS với người thân.

***b. Sản phẩm:*** Phần chuẩn bị ở nhà của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* Chia sẻ kỉ niệm với bạn cùng nhóm.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:*2 HS trình bày câu trả lời trước lớp.

*\* Kết luận, nhận định:*GV tổng kết các ý kiến trả lời của HS, dẫn dắt vào bài.

**3.2. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Đọc diễn cảm VB và sử dụng được các kĩ thuật đọc suy luận, theo dõi khi trả lời các câu hỏi *Trải nghiệm cùng VB*.Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm.

***b. Sản phẩm:*** PHT với đầy đủ thông tin cho bốn cột.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

(1) Một HS đọc diễn cảm VB, các HS khác xem lại phần chuẩn bị ở nhà cho các câu hỏi *Trải nghiệm cùng VB*, bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện.

(2) Chia sẻ PHT số 1 đã chuẩn bị ở nhà với bạn kế bên (nhóm đôi), các ý kiến của bạn được ghi vào cột 4.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

*\* Báo cáo, thảo luận:*2 nhóm chia sẻ sản phẩm. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*

*-* GV nhận xét về kĩ năng đọc diễn cảm của HS, cách HS thực hiện kĩ năng suy luận. Sau đó, GV chia sẻ với HS những suy nghĩ của bản thân khi thực hiện các hoạt động theo dõi, suy luận.

- ***Bằng Việt tên thật là Nguyễn Việt Bằng, sinh năm 1941, quê ở Thạch Thất – Hà Tây, nay thuộc Hà Nội. Ông thuộc thế hệ những nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ***. Trẻ trung, hồn nhiên, tài hoa là nét đặc sắc trong hồn thơ Bằng Việt. Sau tập thơ Hương cây – Bếp lửa in chung với Lưu Quang Vũ, ông có các tập thơ: Những khoảng trời, Đất sau mưa, Khoảng cách giữa lời, Hương cây – Bếp lửa, Những gương mặt những khoảng trời.

***- Bài thơ Bếp lửa được Bằng Việt sáng tác vào năm 1963 khi đang học đại học ở nước Nga, sau được in trong tập thơ Hương cây – Bếp lửa.***

**3.3. Suy ngẫm và phản hồi**

***3.3.1. Tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, bố cục, ngôn ngữ, biện pháp tu từ***

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức bài thơ thể hiện qua bố cục, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời miệng và thông tin trong hai bảng.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm hai HS:

(1) Làm rõ mối quan hệ giữa hình ảnh bếp lửa và hình ảnh bà trong bài thơ dựa vào gợi ý sau (câu 1 trong SGK):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khổ thơ** | **Hình ảnh bếp lửa**  | **Hình ảnh bà** |
| 1, 2 | ....................................................... |  ............................................................ |
| 4, 5 | ....................................................... |  ............................................................ |

Từ đó, chỉ ra sự thay đổi của hình ảnh bếp lửa qua các khổ thơ.

(2) Xác định một số biện pháp tu từ và làm rõ tác dụng của chúng (câu 2 trong SGK):

(3) Liệt kê vào bảng sau các hình ảnh, từ ngữ thể hiện yếu tố biểu cảm, yếu tố miêu tả, yếu tố tự sự và làm rõ tác dụng của sự kết hợp giữa ba yếu tố này:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Yếu tố biểu cảm** | **Yếu tố miêu tả** | **Yếu tố tự sự** |
| ........................................ | ...................................... | ................................... |
| **Tác dụng** .......................................................................................................................................... |

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm 4 HS lần lượt thực hiện các câu hỏi từ 1 đến 3.

*\* Báo cáo, thảo luận:*2 nhóm trình bày câu trả lời, các nhóm khác bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:* GV tổng hợp ý kiến của HS và định hướng cách hiểu:

**Câu 1:**

– Mối quan hệ giữa hai hình bà và bếp lửa:

Khổ 1, 2: Tác giả dùng các hình ảnh ngọn lửa *chờn vờn sương sớm/ ấp iu nồng đượm/ Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói/ Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa* để thể hiện hình ảnh bà đảm đang, tảo tần, chăm chút cho cháu, bà vừa làm cha, vừa làm mẹ, là điểm tựa tinh thần cho cả gia đình trong suốt những năm tháng chiến tranh.

Khổ 4, 5: Tác giả lặp lại các hình ảnh *ngọn lửa,* điệp từ *nhen, nhóm* (*Nhóm bếp lửa ấp/ Nhóm niềm yêu thương/ Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ*: Bà "*nhóm*" lên trong cháu ngọn lửa của tình yêu thương, của niềm tin, sự sẻ chia, tình làng, nghĩa xóm.

– Sự thay đổi của hình ảnh bếp lửa qua các khổ thơ: từ hình ảnh bếp lửa (hình ảnh thực) chuyển qua hình ảnh ẩn dụ, tượng trưng: bếp lửa, ngọn lửa của tình yêu, niềm tin về những điều tốt đẹp truyền dạy cho thế hệ sau.

**Câu 2**: Ẩn dụ (*bếp lửa*), điệp từ (*nhóm*), điệp ngữ (b*ếp lửa, một ngọn lửa*),... Tác dụng: mở rộng và nhấn mạnh ý nghĩa hình ảnh bếp lửa: không phải chỉ là bếp lửa bình thường mà là ngọn lửa của tình yêu thương, niềm tin, của những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống mà bà đã gieo mầm trong lòng cháu.

**Câu 3:** Suốt bài thơ là sự hồi tưởng, kể lại câu chuyện về bà (tự sự) từ khi cháu mới 4 tuổi đến lúc đi học, đối thoại với bà *(Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà)*, tái hiện nguyên văn lời dặn cháu của bà). Các chi tiết trong câu chuyện được miêu tả sống động (bếp lửa *chờn vờn sương sớm:* gợi tả hình ảnh khói bếp toả trong sương mai; *ấp iu nồng đượm*: gợi tả sự ấm áp; *khô rạc ngựa gầy*: gợi tả hình ảnh gầy gò, thiếu ăn của con ngựa; *lầm lụi*: gợi tả sự vất vả, lầm than, âm thầm,... (miêu tả). Từng chi tiết, hình ảnh đều chất chứa tình cảm thương yêu, nghẹn ngào, kính trọng dành cho bà, những giá trị tinh thần mà bà đã trao truyền cho con cháu cùng với những từ cảm thán, bộc lộ trực tiếp tình cảm của tác giả với bà (biểu cảm).

Tác dụng: Thể hiện hình ảnh bà sống động, cụ thể từ lúc nhân vật "cháu" còn nhỏ đến lúc trưởng thành, thể hiện tình cảm yêu thương vô bờ và lòng biết ơn đối với bà.

***3.3.2. Tìm hiểu mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo***

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

***b. Sản phẩm:*** Sơ đồ của HS.

***b. Sản phẩm:*** Thông tin điền vào sơ đồ, trả lời cho câu 4 trong SGK.

***c. Tổ chức thực hiện:***

\* *Giao nhiệm vụ học tập:* Các nhóm đọc lại bài thơ, xác định bố cục, từ đó xác định mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo và điền vào sơ đồ sau:

Khổ ....

Khổ .......................

Khổ ....

Khổ ...................

Khổ ......

.

Khổ ..................

**BỐ CỤC**

**MẠCH CẢM XÚC**

**Cảm hứng chủ đạo**

..................

..................

..................

..................

.................

.................

................

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thảo luận nhóm (khoảng 4, 5 thành viên).

*\* Báo cáo, thảo luận:* Các nhóm treo sơ đồ, góp ý lẫn nhau.

*\* Kết luận, nhận định:*GV tóm tắt ý kiến của HS, bổ sung: Bố cục bài thơ gồm ba phần, thể hiện mạch cảm xúc: từ hồi tưởng về hình ảnh bếp lửa của bà (khổ 1) đến nghẹn ngào, thương yêu thiết tha, trân trọng những giá trị tốt đẹp mà bà trao truyền cho cháu (khổ 2, 3, 4, 5), đến đón nhận niềm vui trăm ngả nhưng vẫn khôn nguôi thương nhớ bà (khổ 6). Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là cảm hứng ngợi ca hình ảnh bếp lửa ấm áp, thiêng liêng được nhóm lên từ bàn tay và tấm lòng của bà.

***3.3.3. Tìm hiểu kết cấu, thông điệp và tư tưởng***

***a. Mục tiêu:***

*–* Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức bài thơ thể hiện qua kết cấu.

*–* Nhận biết và phân tích được tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời cho câu hỏi 5, 6, 7 trong SGK.

***c. Tổ chức thực hiện:***

\* *Giao nhiệm vụ học tập:*

(1) Nhóm 2 HS đọc lại khái niệm *Kết cấu* trong SGK, đồng thờixem lại câu trả lời cho các câu hỏi từ 1 – 4 để nhận biết nét đặc sắc của kết cấu bài thơ (câu 5 trong SGK).

(2) GV nhắc lại khái niệm thông điệp của tác phẩm văn học (đã học ở lớp 7, Bài 1), sau đó yêu cầu HS ghi thông điệp lên giấy ghi chú để dán lên bảng (câu 6 trong SGK).

(3) GV nhắc lại khái niệm tư tưởng của tác phẩm văn học (đã học ở lớp 8, Bài 7): Tư tưởng của tác phẩm văn học là sự nhận thức, lí giải và thái độ của tác giả đối với toàn bộ nội dung của tác phẩm văn học, cũng như những vấn đề của cuộc sống, con người được đặt ra trong tác phẩm. Tư tưởng được biểu hiện qua hình tượng nghệ thuật, đề tài, chủ đề, cảm hứng chủ đạo,... Sau đó, dùng kĩ thuật khăn trải bản để tổ chức cho HS trả lời câu 7 trong SGK.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Các nhóm lần lượt thực hiện các nhiệm vụ từ 1 đến 3.

*\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện nhóm trả lời, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*GV tóm tắt ý kiến của HS, bổ sung:

**Câu 5**: Nét đặc sắc trong kết cấu của VB là tạo ra một chỉnh thể tác phẩm toàn vẹn từ nội dung đến hình thức: xây dựng hình ảnh sóng đôi bà – bếp lửa, kết hợp các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, sự phát triển của hình ảnh bếp lửa từ hình ảnh thực đến hình ảnh ẩn dụ,... Tất cả những yếu tố đó đã góp phần thể hiện hình ảnh bà – hiện thân cho những giá trị tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam (đảm đang, chịu đựng, trao truyền cho con cháu tình yêu, niềm tin và những giá trị tốt đẹp) và tình cảm biết ơn, thương nhớ bà khôn nguôi.

**Câu 6:** Tình yêu thương là ngọn lửa dẫn dắt con người trong cuộc sống, là động lực giúp ta sống tốt hơn.

**Câu 7:** Tư tưởng của tác phẩm là những điều tốt đẹp được gieo mầm, hình thành từ tuổi thơ, có tác dụng giúp con người trưởng thành, nâng đỡ con người suốt hành trình dài của cuộc đời. Các động từ "nhóm", "nhen" là biểu tượng cho sự gieo mầm, hình ảnh "bếp lửa" tượng trưng cho những giá trị tốt đẹp có tác dụng nuôi dưỡng, nâng đỡ con người trong suốt cuộc đời.

***3.3.4. Liên hệ, vận dụng***

***a. Mục tiêu:*** Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

***b. Sản phẩm:*** Đoạn văn của HS.

***c. Tổ chức thực hiện***

\* *Giao nhiệm vụ học tập:*

–HS về nhà viết đoạn văn (câu 8 trong SGK), đáp ứng yêu cầu sau: Về hình thức: đoạn văn có độ dài không quá 200 chữ, có câu chủ đề, nội dung câu chủ đề được triển khai bằng các câu tiếp theo, mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng, kết đoạn bằng dấu chấm câu; Về nội dung: giới thiệu khái quát về người có ảnh hướng lớn đến người viết, thể hiện được tình cảm của bản thân đối với người đó, nêu một vài bằng chứng để làm rõ vì sao người đó có ảnh hưởng lớn đến người viết.

– Sau đó, gửi lên nhóm google classroom của lớp hoặc hôm sau treo trên Bảng học tập của lớp.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện ở nhà.

*\* Báo cáo, thảo luận* và *Kết luận, nhận định:*GV trình chiếu hoặc mời một vài HS đọc đoạn văn.
Sau đó, HS và GV nhận xét mức độ đáp ứng về nội dung và hình thức của đoạn văn mà HS đã viết.

***3.4. Khái quát đặc điểm thể loại và rút ra kinh nghiệm đọc***

***a. Mục tiêu:***

– Khái quát được một số đặc điểm của thơ được thể hiện trong bài thơ *Bếp lửa*.

– Bước đầu rút ra được một số kinh nghiệm đọc thơ.

***b. Sản phẩm:*** Bảng tóm tắt một số đặc điểm thể loại được thể hiện trong bài thơ *Bếp lửa*, đồ hoạ thông tin về những điểm cần lưu ý khi đọc VB thơ.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS xem lại các câu trả lời cho các câu hỏi của bài và hoàn thành bảng tóm tắt:

|  |  |
| --- | --- |
| **Một số đặc điểm của thể loại thơ**  | **Thể hiện trong bài thơ *Bếp lửa***  |
| ............................................................................................................................................ | ............................................................................................................................................ |

(2) Thiết kế một infographic về điểm cần lưu ý khi đọc VB thơ.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm 4 – 6 HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:*Các nhóm trưng bày kết quả thực hiện nhiệm vụ theo kĩ thuật phòng tranh.

*\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của các nhóm và hướng dẫn HS tổng kết vấn đề theo định hướng tham khảo sau:

(1)

|  |  |
| --- | --- |
| **Một số đặc điểm của thể loại thơ** | **Thể hiện trong bài thơ *Bếp lửa*** |
| – Ngôn ngữ– Biện pháp tu từ– Mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo– Kết cấu– Thông điệp – Tư tưởng, chủ đề | (HS trả lời dựa trên các câu trả lời cho các câu hỏi từ số 1 đến số 7) |

(2) Nhận xét về nội dung và hình thức của infographic:

– Nội dung: trình bày được những lưu ý về cách đọc VB thơ đã rút ra ở mục 2.4. Khái quát đặc điểm thể loại và hướng dẫn đọc VB *Bếp lửa.*

– Hình thức: màu sắc đẹp, hài hoà, sử dụng các cỡ chữ, màu chữ khác nhau, thông tin ngắn gọn.

GV dặn HS giữ infographic trong hồ sơ học tập cá nhân để phục vụ cho việc ôn tập giữa kì và cuối kì.

**C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG ( 45 phút)**

**1. Hoạt động hướng dẫn Đọc mở rộng theo thể loại: *Mùa xuân nho nhỏ( (Thanh Hải)***

***a. Mục tiêu:***

– Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

– Nhận biết được chủ đề của bài thơ.

– Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* Đọc *Mùa xuân nho nhỏ* và thực hiện nhiệm vụ của phần *Hướng dẫn đọc*.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*HS về nhà đọc và trả lời cho các câu hỏi mục *Hướng dẫn đọc* trong SGK.

 *\* Báo cáo, thảo luận:*HS sẽ báo cáo kết quả nhiệm vụ học tập tại lớp.GV kết hợp tổ chức tiết báo cáo kết quả đọc cho hai VB *Mùa xuân nho nhỏ* và *Vẻ đẹp của Sông Đà.*

*\* Kết luận, nhận định:*Thực hiện trong tiết báo cáo sản phẩm đọc.

**2. Hoạt động hướng dẫn Đọc kết nối chủ điểm: *Vẻ đẹp của Sông Đà( Nguyễn Tuân)***

***a. Mục tiêu:***

– Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.

– Liên hệ, kết nối với các VB *Quê hương, Bếp lửa, Mùa xuân nho nhỏ* để hiểu hơn về chủ điểm *Thương nhớ quê hương.*

***b. Sản phẩm:*** Kết quả đọc, câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*HS thực hiện hoạt động *Đọc kết nối chủ điểm* ở nhà trong SGK.

*Lưu ý*: GV có thể kết hợp tổ chức cho HS báo cáo kết quả đọc của hai VB *Mùa xuân nho nhỏ* và *Vẻ đẹp của Sông Đà* trong 1 tiết.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*HS về nhà đọc VB và trả lời các câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* trong SGK.

*\* Báo cáo, thảo luận:*HS sẽ báo cáo kết quả hoạt động đọc tại nhà với các bạn trong lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

*\* Kết luận, nhận định:*Thực hiện trong tiết báo cáo sản phẩm đọc.

 **3. Hoạt động báo cáo sản phẩm đọc mở rộng theo thể loại và đọc kết nối chủ điểm**

**3.1. Trình bày kết quả đọc văn bản *Mùa xuân nho nhỏ***

***a. Mục tiêu:*** Trình bày được kết quả đọc mở rộng theo thể loại

***b. Sản phẩm:*** Phần trình bày kết quả đọc của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

\* *Giao nhiệm vụ học tập:*HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà và chuẩn bị chia sẻ theo nhóm đôi.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*HS thực hiện nhiệm vụ được giao.

*\* Báo cáo, thảo luận:*HS chia sẻ kết quả nhiệm vụ đọc với bạn cùng nhóm, sau đó chia sẻ trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*Dựa trên câu trả lời của HS, GV định hướng những nội dung sau:

**Câu 1**: Mùa xuân của thiên nhiên, mùa xuân của đất nước được gợi tả trong ba khổ thơ đầu: Khổ 1: tươi thắm, đầy màu sắc (*dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, màu xanh của lá nguỵ trang, của nương mạ*), âm thanh của thiên nhiên (tiếng chim chiền chiện *hót vang trời*); khổ 2: âm thanh của cuộc sống lao động (*xôn xao*); âm thanh tiếng chim được cụ thể hoá thành hình khối, màu sắc thể hiện sự chuyển đổi cảm giác: từ thính giác 🡪 thị giác 🡪 xúc giác (*từng giọt long lanh rơi*), hình ảnh chủ thể trữ tình nâng niu từng giọt âm thanh của tiếng chim, hình ảnh người cầm súng với lộc giắt đầy trên lưng, hình ảnh người lao động hối hả xây dựng đất nước, họ là những người đã làm nên mùa xuân đất nước; khổ 3: Lịch sử cần lao của đất nước và niềm tin vào sự phát triển của đất nước.

**Câu 2:** Biện pháp tu từ: (1) ẩn dụ hình ảnh *con chim hót, cành hoa, mùa xuân nho nhỏ:* thể hiện ước nguyện bình dị, khiêm nhường của nhà thơ được cống hiến cho đất nước; hình ảnh *nốt trầm xao xuyến*: thể hiện cảm xúc trầm lắng của nhà thơ; hình ảnh *hoà ca*: chỉ cộng đồng, dân tộc; (2) điệp ngữ: *ta làm, dù là* nhấn mạnh ước nguyện của nhà thơ được cống hiến dù là còn trẻ hoặc đã già.

**Câu 3:**

– Bố cục: khổ 1 (6 câu đầu): cảm xúc trước mùa xuân của đất trời; khổ 2, 3: cảm xúc trước mùa xuân của đất nước; khổ 4, 5: ước nguyện được cống hiến của nhà thơ; khổ cuối: ngợi ca quê hương, đất nước qua điệu dân ca Huế.

– Mạch cảm xúc: say sưa, trìu mến trước mùa xuân của đất trời (khổ 1); phấn chấn, vui tươi trước mùa xuân đất nước (khổ 2, 3); tha thiết, trầm lắng khi bày tỏ ước nguyện được nhập vào bản hoà ca của đất trời, vào mùa xuân của đất nước *một nốt trầm xao xuyến, một mùa xuân nho nhỏ* của riêng mình (khổ 4, 5); tình cảm thiết tha, tự hào về quê hương, đất nước (khổ cuối).

– Cảm hứng chủ đạo: cảm hứng ngợi ca sức sống thanh xuân của đất nước, con người, cảm hứng về ước nguyện được dâng hiến, sự đóng góp sức mình để làm cho đất nước ngày càng giàu đẹp.

 **Câu 4:** Nhan đề *Mùa xuân nho nhỏ* là hình ảnh ẩn dụ, thể hiện nhận thức của tác giả mỗi người là một mùa xuân nhỏ, mỗi người cần sống đẹp, tươi trẻ như mùa xuân, góp phần tạo nên mùa xuân lớn của đất trời, của đất nước.

**Câu 5:**

– Chủ đề bài thơ: ước nguyện được đóng góp phần nhỏ bé của mình để làm nên mùa xuân tươi đẹp của quê hương, đất nước.

– Các căn cứ để xác định chủ đề là các từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, bố cục, mạch cảm xúc, nhan đề bài thơ, giọng thơ tha thiết, trầm lắng,...

**3.2. Trình bày kết quả đọc văn bản *Vẻ đẹp của Sông Đà***

***a. Mục tiêu:*** Báo cáo sản phẩm đọc kết nối chủ điểm.

***b. Sản phẩm:*** Phần trình bày kết quả đọc của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*: HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện và chia sẻ với bạn cùng nhóm.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*Bốn HS cùng nhóm thảo luận.

\* *Báo cáo, thảo luận:*Đại diện một số nhóm báo cáo, các nhóm khác bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*Dựa trên câu trả lời của HS, GV hướng dẫn:

**Câu 1:**

– Vẻ đẹp hùng vĩ, trữ tình, thơ mộng, hoang sơ của sông Đà được nhìn từ các góc nhìn: từ trên máy bay nhìn xuống, từ trên mặt đất, trên sông nhìn sang hai bờ sông.

– Một số từ ngữ miêu tả sông Đà từ góc nhìn trên cao: *cái dây thừng ngoằn ngoèo, từng nét sông tãi ra trên đại dương đá lờ lờ bóng mây, tuôn dài như một áng tóc trữ tình, mùa xuân dòng xanh ngọc bích*; từ ngữ miêu tả sông Đà từ góc nhìn trên mặt đất: *màu nắng tháng ba Đường thi, bờ sông Đà, bãi sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm trên sông Đ*à; từ ngữ miêu tả sông Đà từ hai bên bờ sông: *cảnh ven sông lặng tờ, nương ngô nhú lên mấy lá ngôn non đầu mùa, cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp, đàn hươu cúi đầu ngốn búp cỏ gianh, bờ sông hoang dại.*

**Câu 2:**

– Tác dụng của biện pháp so sánh trong câu thứ nhất: làm rõ toàn cảnh vẻ đẹp trữ tình, nên thơ của sông Đà.

– Tác dụng của biện pháp so sánh trong câu thứ hai: làm rõ vẻ đẹp hoang sơ của sông Đà, vẻ đẹp chưa bị bàn tay con người khai phá.

**Câu 3**: Tự hào, say mê với vẻ đẹp của sông Đà, của Tổ quốc (*hình như khi mà ta đã quen đọc bản đồ sông núi, thì mỗi lúc ngồi tàu bay trên chiều cao mà nhìn xuống đất nước Tổ quốc bao la, mùa xuân dòng xanh ngọc bích, vui như thấy nắng ròn tan sau kì mưa dầm, vui như nối lại chiêm bao đứt quãng; gặp lại cố nhân*); giận dữ vì thực dân Pháp đã đặt tên sông Đà là đen (*chưa hề bao giờ tôi thấy dòng sông Đà là đen*...).

**Câu 4:** Đây là câu hỏi mở, HS có thể tìm những từ ngữ khác nhau, miễn là giải nghĩa được từ dựa vào ngữ cảnh.

**TIẾNG VIỆT**

**BIỆN PHÁP TU TỪ CHƠI CHỮ, ĐIỆP THANH, ĐIỆP VẦN:**

**ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC DỤNG**

*Thời gian thực hiện: 2 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

**1.Về kiến thức**

 Biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần: đặc điểm và tác dụng.

**2. Về năng lực**

*a. Năng lực chung*

Nhận biết được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần.

*b. Năng lực đặc thù*

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết phối hợp trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**3. Phẩm chất**

Yêu quý tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

– Máy chiếu, bảng, phấn.

– SGK, SGV.

– Phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU ( 5 phút)**

***a. Mục tiêu:***

– Kích hoạt được hiểu biết nền liên quan đến nội dung bài học.

– Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ học tập tiếng Việt cần thực hiện.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS nghe bài hát *Con cua đá* (Phan Ngạn, Ngọc Cừ (https://www.youtube.com/watch?v=ALw6qDxqWSk) và trả lời câu hỏi:

1) Trong bài hát có từ nào sử dụng lối nói lái?

(2) Nói lái như vậy có tác dụng gì?

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

*\* Báo cáo, thảo luận:* 1 – 2 HS trình bày câu trả lời trước lớp. Các HS khác bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*GV tóm tắt ý kiến của HS, bổ sung lối nói lái được thể hiện ở câu hát: *Cồn Cỏ ấy có con cá đua là con cua đá.* Từ đó, dẫn dắt vào bài học: Nhiệm vụ học tập của các em trong bài học này là tìm hiểu *Biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần* và vận dụng làm các bài tập trong phần *Thực hành tiếng Việt*.

**B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI ( 30 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Bước đầu nhận biết được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của nhóm HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

(1) HS đọc ví dụ thứ nhất trong SGK và xác định nghĩa của hai từ *lợi* trong câu thơ.

(2) HS đọc ví dụ thứ hai trong SGK, xác định những từ có sự lặp lại về thanh điệu và nêu tác dụng của chúng.

(3) HS đọc ví dụ thứ ba trong SGK, xác định những từ có sự lặp lại về âm tiết và nêu tác dụng của chúng.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:*Nhóm HS trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời của HS, trên cơ sở đó hướng dẫn HS nhận biết đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần qua ba ví dụ trên, kết hợp với thuyết trình để giải thích rõ hơn về nội dung tri thức.

**C. HOẠT ĐỘNG** 3: **LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG (50 phút)**

**1. Hoạt động luyện tập về biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần**

***a. Mục tiêu***:Vận dụng được tri thức về biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần vào làm bài tập.

***b. Sản phẩm:*** Nội dung trả lời của các bài tập 1, 2, 3, 4, 5, 6 trong SGK.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*Nhóm hai HS điền vào các bảng sau:

**Bài tập 1:** Xác định và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ chơi chữ trong các câu 1 a, 1b, 1 c:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Biện pháp tu từ chơi chữ** | **Tác dụng** |
| 1 a |  |  |
| 1 b |  |  |
| 1 c |  |  |

**Bài tập 2:** Một số câu nói của bạn bè, người thân có sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ và đặc điểm, tác dụng của chúng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Câu nói có sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ** | **Đặc điểm** | **Tác dụng** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |

**Bài tập 3:** Xác định và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ điệp thanh trong các câu a, b:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Biện pháp tu từ điệp thanh** | **Tác dụng** |
| a |  |  |
| b |  |  |

**Bài tập 4:** HS đọc thành tiếng đoạn trích để cảm nhận nhạc tính trong đoạn trích này, sau đó thực hiện theo yêu cầu của SGK.

**Bài tập 5:** HS thực hiện theo yêu cầu của SGK.

**Bài tập 6:** Có thể dùng bảng sau để hoàn thành:

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*Nhóm 2 HS lần lượt thảo luận các bài tập từ 1 🡪 6.

*\* Báo cáo, thảo luận:*Đại diện một số nhóm lần lượt trình bày kết quả của từng bài tập, nhóm khác góp ý, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*

*–*GV nhận xét cách HS thảo luận nhóm, từ đó kết luận về những lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận nhóm.

*–* GV nhận xét các câu trả lời của HS trên cơ sở sau:

 **Bài tập 1:**

a. Trong hai dòng thơ này, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ dựa trên hiện tượng đồng âm “quốc quốc” (chim cuốc – nước), hiện tượng gần âm “gia gia (da da) (chim đa đa – nhà) với mục đích tạo ra ý nghĩa bất ngờ, thú vị, làm tăng sức hấp dẫn cho VB.

b. Trong đoạn ca dao này, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ dựa trên hiện tượng nói lái cá đối – cối đá, mèo đuôi cụt – mút đuôi kèo. Biện pháp này có tác dụng tạo ra những liên tưởng bất ngờ, thú vị, gây ấn tượng cho người đọc.

c. Ngữ liệu này sử dụng biện pháp chơi chữ dựa trên hiện tượng đồng âm: *chả1* – một món ăn và *chả2* – “không” khiến cho cách diễn đạt trở nên thú vị, hấp dẫn.

**Bài tập 2:** GV nhận xét vềđặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ dựa trên ba câu nói mà các nhóm đã tìm được.

**Bài tập 3:**

a. Việc tác giả sử dụng toàn thanh bằng có tác dụng tạo nên âm hưởng nhẹ nhàng, tăng tính tạo hình và sức biểu cảm cho hai dòng thơ đồng thời gợi liên tưởng về một không gian mênh mông, nhiều cảm xúc.

b. Dòng thơ đầu sử dụng 5/7 thanh trắc liên tiếp (*Tài cao* ***phận thấp chí khí uất***), trong khi dòng thơ thứ hai sử dụng toàn thanh bằng (*Giang hồ mê chơi quên quê hương*). Sự đối lập này (điệp thanh trắc – điệp thanh bằng) tạo nên nhạc tính, tăng sức biểu cảm, góp phần thể hiện ý nghĩa của hai dòng thơ.

**Bài tập 4:**

a. Trong đoạn trích, tác giả đã sử dụng rất nhiều thanh bằng (***Thuyền tôi trôi trên Sông Đà****. Cảnh* ***ven sông*** *ở* ***đây*** *lặng* ***tờ.******Hình như từ đời Trần đời Lê****, quãng* ***sông này*** *cũng lặng* ***tờ*** *đến thế* ***mà thôi****.* ***Thuyền tôi trôi qua*** *một* ***nương ngô*** *nhú* ***lên*** *mấy lá* ***ngô non đầu mùa.******Mà*** *tịnh* ***không*** *một bóng* ***người.***), và đặc biệt vị trí tiếng cuối các câu luôn là thanh bằng.

b. Việc sử dụng nhiều thanh bằng như vậy tạo nên nhạc tính, tăng sức biểu cảm cho VB, gợi ra một không gian tĩnh lặng đến vô cùng.

**Bài tập 5:**

Biện pháp điệp thanh: Hai dòng thơ sử dụng toàn thanh bằng.

Biện pháp điệp vần: Sự lặp lại các âm tiết có vần “ương”, “ưng”, “ơi”.

*S****ương*** *n****ương*** *theo trăng ng****ừng*** *l****ưng*** *trời,*

*T****ương*** *tư nâng lòng lên chơi vơi...*

Biện pháp điệp thanh và điệp vần góp phần quan trọng làm nên nhạc tính cho hai dòng thơ, đồng thời gợi cho người đọc hình dung về một không gian đầy chất thơ, không gian cảm xúc của con người.

**Bài tập 6:** Sự hài hoà về âm thanh trong một đoạn thơ/ một bài thơ có thể được làm nên bởi nhiều yếu tố: vần thơ, nhịp thơ, sự điệp thanh, sự điệp vần,… Ngoài các yếu tố vần thơ, nhịp thơ (là các yếu tố HS đã quen thuộc), GV cần lưu ý HS tìm những điểm đặc biệt về thanh điệu, về vần trong đoạn thơ. Chẳng hạn, trong ngữ liệu đã cho, chúng ta thấy có sự lặp lại các âm tiết có vần “ôi” (*rồi – tôi – tôi*), sự lặp lại các thanh bằng (***Rồi*** *một* ***hôm nào, tôi thấy tôi /*** *Nhẹ* ***nhàng như con chim cà lơi***). Tất cả những yếu tố này đã làm nên sự hài hoà về âm thanh, tạo nhạc tính cho đoạn thơ.

**2. Hoạt động vận dụng**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức về biện pháp tu từ chơi chữ hoặc điệp thanh, điệp vần vào viết đoạn hoặc làm một bài thơ.

***b. Sản phẩm*:** Một đoạn văn hoặc một bài thơ có sử dụng chơi chữ hoặc điệp thanh, điệp vần.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*: Viếtmột đoạn văn hoặc một bài thơ có sử dụng một hoặc hai biện pháp tu từ: chơi chữ, điệp thanh, điệp vần. Lưu ý: GV có thể cho HS thực hiện bài tập này ở nhà, trình bày sản phẩm trong Bảng học tập của lớp hoặc google classroom.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*Cá nhân thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận* và *Kết luận, nhận định:*HS trình bày sản phẩm, các HS khác và GV khen ngợi, góp ý về: (1) sản phẩm của HS có sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ hoặc điệp thanh, điệp vần hay không? (2) tác dụng của việc sử dụng các biện pháp đó.

**3. Hoạt động khái quát nội dung bài học**

***a. Mục tiêu:***

– Khái quát được nội dung chính của bài học.

– Rút ra được những lưu ý khi vận dụng biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần vào giao tiếp.

***b. Sản phẩm:*** Phần trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện***:

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*Cá nhân HS trả lời những câu hỏi sau:

 – Em đã học được những nội dung gì về từ biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần?

 – Em rút ra được những lưu ý gì khi sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần vào giao tiếp?

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:*1 – 2 HS trình bày kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời của HS, kết luận về những kiến thức tiếng Việt trọng tâm của bài học.

**VIẾT**

**LÀM MỘT BÀI THƠ TÁM CHỮ**

*Thời gian thực hiện: 1 tiết*

1. **MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

1. **Về kiến thức**

– Đặc điểm của thể thơ tám chữ.

– Cách làm một bài thơ tám chữ.

**2. Về năng lực**

*a. Năng lực chung*

Bước đầu biết làm một bài thơ tám chữ.

*b. Năng lực đặc thù*

Năng lực sáng tạo: có khả năng tạo ra cái mới.

**3. Về phẩm chất**

Tự chủ, tự học: Chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.

 **II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

– Máy chiếu, bảng kiểm, phấn, phiếu học tập.

– SGK, SGV.

 **III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU ( 5 phút)**

**1. Hoạt động xác định nhiệm vụ viết**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được nhiệm vụ viết.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*HS trả lời câu hỏi sau:

(1) Ở lớp 6, 7, 8 em đã học cách làm một bài thơ thuộc các thể thơ nào?

(2) Theo em, làm một bài thơ tám chữ có gì khác làm một bài thơ lục bát, năm chữ, sáu chữ, bảy chữ?

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*Cá nhân HS tìm câu trả lời.

*\* Báo cáo, thảo luận:*2 HS trả lời trước lớp.

*\* Kết luận, nhận định:*GV tổng hợp các câu trả lời của HS, nhấn mạnh nhiệm vụ học tập của bài học này: Làm một bài thơ tám chữ.

**2. Hoạt động xác định tình huống giao tiếp khi thực hiện bài viết**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết được tình huống có thể làm một bài thơ tám chữ.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về tình huống có thể làm một bài thơ tám chữ.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*Nhóm 2 HS thảo luận về câu hỏi: Trong cuộc sống, khi nào chúng ta có nhu cầu làm thơ, viết văn, vẽ tranh,…?

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*Nhóm HS thảo luận và tìm câu trả lời.

*\* Báo cáo, thảo luận:*1, 2 nhóm trình bày câu trả lời, các nhóm khác bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*

– GV nhận xét, hướng dẫn HS kết luận: Trong cuộc sống, chúng ta muốn làm thơ, viết văn, vẽ tranh,… khicó cảm hứng trước một vấn đề, cảm xúc trước một vẻ đẹp/ sự vật/ hiện tượng trong cuộc sống, khi muốn bày tỏ cảm xúc của mình với ai đó,…

– GV dẫn dắt, giới thiệu nội dung bài học.

**B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (20 phút)**

**1. Hoạt động tìm hiểu về thể thơ tám chữ**

**a*. Mục tiêu:*** Nhận biết được đặc điểm của thể thơ tám chữ.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*Nhóm 2 HS đọc phần viết về thơ tám chữ trong SGK, đồng thời đọc lại bài *Quê hương* (Tế Hanh), tìm thông tin và điền vào bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc điểm của một bài thơ tám chữ** | **Bài *Quê hương*** |
| Số chữ trong một dòng thơ |  |  |
| Khổ thơ |  |  |
| Cách gieo vần |  |  |

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*HS ghi câu trả lời vào bảng.

*\* Báo cáo, thảo luận:*2 nhóm trình bày câu trả lời, các nhóm khác bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời của HS. Trên cơ sở đó, GV giải thích đặc điểm của thơ tám chữ.

**2. Hoạt động tìm hiểu quy trình viết**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết được những thao tác cần làm, tác dụng của các bước trong quy trình *Làm một bài thơ tám chữ*.

***b. Sản phẩm:*** Bảng tóm tắt quy trình làm một bài thơ.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*Nhóm 2 HS thực hiện những nhiệm vụ sau:

(1) Xác định yêu cầu của đề bài.

(2) Đọc lướt các bước của quy trình viết trong SGK, sau đó hoàn thành bảng sau:

**Quy trình làm một bài thơ tám chữ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** | **Tác dụng** |
| **Bước 1: *Chuẩn bị*** | … | … |
| **Bước 2: *Làm thơ*** | … | … |
| **Bước 4: *Chỉnh sửa và chia sẻ*** | … | … |

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ trên giấy A0/ bảng nhóm.

*\* Báo cáo, thảo luận:*1, 2 nhóm trình bày sản phẩm, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

***\**** *Kết luận, nhận định:*GV nhận xét, hướng dẫn HS kết luận dựa vào bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** | **Tác dụng** |
| **Bước 1: *Chuẩn bị*** | – Đọc yêu cầu của đề bài– Đọc lại những bài thơ ở phần Đọc– Quan sát cuộc sống để xác định những gì để lại ấn tượng, cảm xúc sâu sắc nhất– Xác định cảm xúc được gợi lên từ sự vật, hiện tượng– Xác định mục đích viết, người đọc | – Xác định được yêu cầu của đề bài– Học cách viết của các nhà thơ– Khơi gợi cảm hứng để làm thơ– Tìm ý tưởng cho bài thơ– Xác định được mục đích viết, người đọc cụ thể |
| **Bước 2: *Làm thơ*** | – Lựa chọn từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, dấu câu phù hợp– Chú ý đến cách gieo vần của bài thơ– Đọc diễn cảm lại bài thơ đã viết, chú ý lắng nghe giọng điệu của bài thơ  | Đảm bảo sử dụng được từ ngữ, hình ảnh, dấu câu phù hợp nhất để thể hiện cách nhìn, cách cảm nhận, tình cảm, cảm xúc của em về sự vật, hiện tượng |
| **Bước 3: *Chỉnh sửa và chia sẻ*** | Sử dụng bảng kiểm để tự kiểm tra và điều chỉnh bài thơ | – Đảm bảo bài thơ thể hiện đúng với đặc điểm của thể thơ– Làm cho bài thơ hay hơn |

**C. HOẠT ĐỘNG 3:**  **LUYỆN TẬP LÀM MỘT BÀI THƠ TÁM CHỮ(10 phút)**

**1. Hoạt động chuẩn bị trước khi viết**

***a. Mục tiêu:*** Hình thành ý tưởng cho bài thơ, xác định được người đọc.

***b. Sản phẩm*:** Phiếu tìm ý tưởng của HS về bài thơ.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*:Cá nhân HS đọc đề bài trong SGK và điền vào PHT:

**PHIẾU TÌM Ý TƯỞNG**

1. Học được điều gì về cách thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của các nhà thơ trong ba bài thơ:

– *Quê hương* ...............................................................................................................

– *Bếp lửa* ............................................................................................................*Mùa xuân nho nhỏ* .............................................................................................................

2. Những hình ảnh của cuộc sống xung quanh gợi lên cho tôi nhiều cảm xúc, suy nghĩ là: ................................................................................................................................................

................................................................................................................................................

3. Người đọc bài thơ này sẽ là: ............................................................................................

***\**** *Thực hiện nhiệm vụ*: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

*\* Báo cáo, thảo luận:*1, 2 HS trả lời câu hỏi, chia sẻ đề tài với các bạn. HS khác nhận xét,
bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS*.*

**2. Hoạt động làm bài thơ tám chữ**

***a. Mục tiêu:***

– Bước đầu làm được một bài thơ tám chữ.

– Có những ý tưởng sáng tạo.

***b. Sản phẩm:*** Nội dung đã hoàn thành của PHT, bài thơ do HS viết.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*: HS thực hiện ở nhà nhiệm vụ sau: Dựa trên phiếu ý tưởng và hướng dẫn trong SGK, em hãy viết ít nhất 4 câu thơ, mỗi câu thơ có tám chữ,thể hiện cảm nghĩ của em về một sự vật hoặc hiện tượng nào đó trong cuộc sống. Khi viết, cố gắng sử dụng biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, điệp từ,…) để thể hiện ý tưởng một cách sống động, cụ thể.

 *Lưu ý:* HS không nhất thiết phải làm bài thơ hay, chỉ cần đảm bảo số chữ/ dòng, có vần, nhịp, có ý nghĩa.

*\* Thực hiện nhiệm vụ*: Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

*\* Báo cáo, thảo luận:*Đến lớp, HS trình bày bài thơ theo nhóm đôi/ nhóm 4 – 6/ trước tập thể lớp.

*\* Kết luận, nhận định:*

**–** GV nhận xét về mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập ở nhà của HS.

– Ở hoạt động này, GV chưa nên đánh giá, nhận xét công khai trước lớp về sản phẩm bài viết của HS mà sẽ thực hiện sau khi tổ chức cho HS tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau và tự chỉnh sửa bài viết của mình.

**3. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

**3.1. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa**

***a. Mục tiêu:***

– Xem lại và chỉnh sửa được bài viết của bản thân.

– Nhận xét được cho bài viết của HS khác trong lớp.

***b. Sản phẩm:*** Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*:

(1) HS dùng bảng kiểm trong SGK, tự kiểm tra lại bài thơ đã viết và tự chỉnh sửa.

(2) Một số HS đọc bài thơ của mình trước lớp, HS khác nhận xét dựa vào bảng kiểm.

*\* Thực hiện nhiệm vụ*:

– Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ (1).

– Sau đó, HS thực hiện nhiệm vụ (2) với hình thức dạy học toàn lớp.

*\* Báo cáo, thảo luận:* HS lần lượt thực hiện nhiệm vụ (1) và (2).

*\* Kết luận, nhận định:*GV đánh giá và nhận xét bài thơ của HS trên các mặt:

– Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần chỉnh sửa trong các bài thơ của HS, sự tuân thủ đặc điểm của thể thơ tám chữ và sự sáng tạo của HS về cách dùng từ, ý tưởng,…

– Cách nhận xét, đánh giá bài viết dựa vào bảng kiểm của HS (HS đã biết sử dụng bảng kiểm chưa? HS có nhận ra những ưu điểm, những điểm cần khắc phục trong bài thơ của bản thân và của các bạn hay không?..).

**3.2. Hoạt động rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:*** Rút ra được kinh nghiệm khi làm thơ tám chữ.

***b. Sản phẩm:*** Những kinh nghiệm của HS về cách làm bài thơ tám chữ.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*:

– Trình bày ít nhất một kinh nghiệm quan trọng mà em thu được từ việc tập làm thơ.

– Nêu ít nhất một điều em cần điều chỉnh trong bài thơ đã làm.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*Cá nhân HS ghi câu trả lời vào giấy ghi chú.

*\* Báo cáo, thảo luận:*HS dán giấy ghi chú lên bảng.

*\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời của HS. Trên cơ sở đó, GV hệ thống lại những điểm cần lưu ý khi làm một bài thơ.

**D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG ( 10 phút)**

***a. Mục tiêu***

– Điều chỉnh bài thơ.

– Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

***b. Sản phẩm:*** Bài thơ được công bố của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*: Từ bài thơ đã được đọc, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm trên lớp, GV cho HS về nhà lựa chọn một trong hai nhiệm vụ sau và hoàn thành:

(1) Sửa lại bài thơ của bản thân cho hoàn chỉnh và công bố.

(2) Viết tiếp bài thơ đã viết ở lớp và công bố trên trang web của lớp hoặc bảng tin học tập
của lớp.

– Sau khi công bố bài thơ, HS tham gia bình chọn bài thơ hay nhất của lớp.

*\* Thực hiện nhiệm vụ*: HS về nhà thực hiện nhiệm vụ học tập.

*\* Báo cáo, thảo luận:*

– Trước tiên, HS công bố một trong hai loại sản phẩm được giao trên trang web của lớp hoặc bảng tin học tập của lớp:

+ Bài thơ đã được chỉnh sửa;

+ Bài thơ được viết tiếp từ bài đã viết ở lớp.

– Sau đó, HS bình chọn bài thơ hay nhất của lớp.

*\* Kết luận, nhận định:*

– GV nhận xét thái độ tích cực chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập.

– GV công bố kết quả bình chọn bài thơ hay nhất của lớp.

 **VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM NGHĨ VỀ MỘT BÀI THƠ TÁM CHỮ**

*Thời gian thực hiện: 2 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

1. **Về kiến thức**

– Đặc điểm của một đoạn văn.

 – Cách viết một đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.

 **2. Về năng lực**

*a, Năng lực chung*

Viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.

*b. Năng lực đặc thù*

Năng lực giao tiếp: Lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận ra được ngữ cảnh giao tiếp, đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp.

**3. Phẩm chất**

 Tự chủ, tự học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

– Máy chiếu, bảng kiểm

– SGK, SGV*.*

*–* Sơ đồ dàn ý đoạn văn.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU ( 5 phút)**

***a. Mục tiêu:***

– Kích hoạt được tri thức nền về đoạn văn.

– Xác định được nhiệm vụ viết.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc tên bài học trong SGK và trả lời câu hỏi sau: Ở bài học này, chúng ta sẽ thực hiện nhiệm vụ viết nào? Nhiệm vụ đó có gì khác với nhiệm vụ viết đoạn văn đã học ở lớp 6, lớp 7 và có điểm gì giống và khác với lớp 8?

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*Cá nhân HS đọc SGK và tìm câu trả lời.

*\* Báo cáo, thảo luận:*HS trả lời về nhiệm vụ học tập sẽ thực hiện.

*\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời của HS, xác nhận lại nhiệm vụ học tập:

– Giống: lớp 6, 7, 8: viết một đoạn văn.

– Khác: lớp 6: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát, lớp 7: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ, lớp 8: Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do, lớp 9: Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.

**B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30 phút)**

**1. Hoạt động phân tích ngữ liệu mẫu**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết được các yêu cầu của việc viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữthông qua việc đọc và phân tích VB mẫu trong SGK.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về đặc điểm của đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ được thể hiện qua VB mẫu.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

(1) HS đọc box tri thức trong SGK, đánh dấu các từ khoá.

(2) HS đọc, quan sát đoạn văn về bài thơ *Tựu trường*, đối chiếu những phần được đánh số và box thông tin tương ứng.

(3) Nhóm 2 HS thảo luận về 4 câu hỏi hướng dẫn phân tích VB trong SGK.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm 2 HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:*1 – 2 nhóm HS trả lời. Các nhóm HS khác góp ý, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:* GV tóm lược và nhận xét về ý kiến của HS, sau đó, chốt lại các kiến thức theo định hướng sau:

(1) GV giải thích về yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ, trong đó, nhấn mạnh yêu cầu trình bày cảm xúc kết hợp với suy nghĩ của người viết về bài thơ.

(2) GV trình bày ngữ liệu mẫu lên bảng hoặc màn hình, phân tích đặc điểm của đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài tám chữ được thể hiện trong ngữ liệu.

(3) GV góp ý cho câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận vấn đề theo định hướng tham khảo sau:

**Câu 1:** Nội dung câu chủ đề: giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả và cảm nghĩ chung của người viết về bài thơ. Câu kết đoạn: ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.

**Câu 2:** Người viết dùng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm nghĩ. Cảm xúc và suy nghĩ được thể hiện kết hợp trong đoạn văn: cảm xúc bồi hồi, xao xuyến xen lẫn những suy ngẫm của tác giả đoạn văn về cách nhà thơ thể hiện hình ảnh nhân vật trữ tình.

**Câu 3:** Đoạn văn đã phân tích hai nét nghệ thuật độc đáo của bài thơ là nghệ thuật khắc hoạ những sắc thái cảm xúc của nhân vật trữ tình, nghệ thuật sáng tạo những hình ảnh độc đáo, cụ thể hoá cái vô hình thành hữu hình.

**Câu 4:** Phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn là phép lặp: từ "qua", từ "nhà thơ"; phép thế: "chàng trai tuổi mười lăm", "nhân vật trữ tình", "nhà thơ"; phép liên tưởng: "thời áo trắng" – "ngôi trường", "chàng trai tuổi mười lăm" – ngôi trường mới", "sách" – "tuổi hoa niên".

**2. Hoạt động tìm hiểu quy trình viết**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết được những thao tác cần làm, những lưu ý khi thực hiện các bước trong quy trình viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.

***b. Sản phẩm:*** Bảng tóm tắt của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc lướt các bước của quy trình viết trong SGK, sau đó nhóm hai HS điền thông tin vào bảng sau:

**Quy trình viết một đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **QUY TRÌNH VIẾT** | **THAO TÁC CẦN LÀM** | **TÁC DỤNG** |
| **Bước 1: *Chuẩn bị trước khi viết*** | Xác định thể thơ, bài thơ | ............................ |
| Xác định yêu cầu đối với đoạn văn |
| Xác định mục đích viết, người đọc |
| **Bước 2: *Tìm ý, lập dàn ý*** | Đọc diễn cảm bài thơ | ............................ |
| Xác định một số nét độc đáo về nghệ thuật và vai trò của nó trong việc thể hiện nội dung bài thơ |
| Ghi lại cảm nghĩ bằng một vài cụm từ |
| Sắp xếp các ý thành sơ đồ dàn ý |
| **Bước 3: *Viết đoạn*** | Triển khai bài viết dựa trên sơ đồ | ............................ |
| **Bước 4: *Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*** | Dùng bảng kiểm để tự xem lại và chỉnh sửa | ............................ |
| Đọc lại đoạn văn từ vai trò của người đọc  |
| Tiếp tục điều chỉnh |

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*Nhóm 2 HS thảo luận và tóm tắt quy trình.

*\* Báo cáo, thảo luận:* 1 – 2 HS trình bày kết quả. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ, hướng dẫn HS kết luận theo định hướng sau:

– Tác dụng của các thao tác cần làm trong bước 1: Xác định đúng yêu cầu của đề bài, mục đích và người nghe 🡪 định hướng được nội dung, cách viết.

– Tác dụng của các thao tác cần làm trong bước 2: Cảm nhận được nội dung bài thơ; xác định được một số nét độc đáo về nghệ thuật và vai trò của nó trong việc thể hiện nội dung bài thơ --> tìm được ý --> lập được dàn ý, đảm bảo không sót ý.

– Tác dụng của các thao tác cần làm trong bước 3: Biểu đạt nội dung trọn vẹn từ sơ đồ dàn ý, đảm bảo yêu cầu về hình thức và nội dung của đoạn văn, rút được kinh nghiệm để có thể viết đoạn văn khác tốt hơn.

**3. Hoạt động tìm hiểu các tiêu chí đánh giá bài viết**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được các tiêu chí của bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời về các tiêu chí của bảng kiểm.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*:Nhóm 2 HS đọc bảng kiểm trong SGK, tìm hiểu các tiêu chí của bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ và thực hiện các nhiệm vụ sau:

– Xác định những tiêu chí cần được giải thích thêm (nếu có).

– Trình bày cách sử dụng bảng kiểm.

*\* Thực hiện nhiệm vụ*: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

***\**** *Báo cáo, thảo luận*:1 – 2 nhóm trình bày kết quả. Các nhóm khác bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định*: GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ và hướng dẫn HS cách sử dụng bảng kiểm trong và sau khi viết (xem lại, chỉnh sửa, rút kinh nghiệm).

**C. HOẠT ĐỘNG 3:**  **LUYỆN TẬP ( 40 phút)**

**1. Hoạt động chuẩn bị trước khi viết**

***a. Mục tiêu:***

– Lập được phiếu tìm tư liệu cho đoạn văn.

*–*Xác định được mục đích, người đọc và đề tài cho đoạn văn sẽ viết.

***b. Sản phẩm*:** Nhận xét, góp ý cho phiếu tìm tư liệu của bạn, câu trả lời về đề tài mục đích, người đọc của đoạn văn.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*:

(1) Tìm và chọn một bài thơ tám chữ viết về một trong các đề tài sau: tình yêu thiên nhiên, quê hương, tình cảm gia đình, tình bạn,… bằng cách điền vào phiếu sau:

|  |
| --- |
| **PHIẾU THU THẬP TƯ LIỆU** **ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM NGHĨ VỀ MỘT BÀI THƠ TÁM CHỮ** |
| **Tên bài thơ** | **Thể thơ** | **Tên tác giả** | **Nguồn****(Nhà xuất bản/ trang Web)** | **Nội dung** |
| ............................................................................................. | ............................................................................................. | ............................................................................................. | ............................................................................................. | .................................................................................................................................................................................... |

*Lưu ý*: Giao nhiệm vụ (1) vào cuối tiết học trước để HS thực hiện ở nhà.

(2) Xác định người đọc và mục đích viết đoạn văn.

*\* Thực hiện nhiệm vụ*: Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

*\* Báo cáo, thảo luận:*Một số HS trình bày phiếu thu thập tư liệutrên lớp, cả lớp thảo luận về nội dung phiếu.

*\* Kết luận, nhận định:*

(1) GV nhận xét chung về các phiếu thu thập tư liệucủa HS: Các em có chọn đúng bài thơ thuộc thể thơ tám chữ hay không, có ghi đầy đủ nguồn tư liệu hay không, đề tài của bài thơ đã chọn có phù hợp với yêu cầu GV đã nêu hay không (đề tài về tình yêu thiên nhiên, quê hương, tình cảm gia đình, tình bạn).

(2) Góp ý về việc xác định mục đích viết và người đọc.

**2. Hoạt động tìm ý, lập dàn ý và viết đoạn**

***a. Mục tiêu:*** Tìm được ý, lập được dàn ý và viết đoạn.

***b. Sản phẩm:*** Dàn ý của HS, đoạn văn do HS viết.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*:

 (1) Từ tư liệu đã tìm, em hãy đọc diễn cảm bài thơ vài lần và ghi lại những cảm xúc, suy nghĩ của mình vào phiếu tìm ý sau:

|  |
| --- |
| **PHIẾU TÌM Ý** **ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM NGHĨ VỀ BÀI THƠ ..............................................................**1. Một số nét độc đáo về hình thức nghệ thuật của bài thơ là: ...........................................................................................................................................................2. Cảm xúc của tôi khi đọc bài thơ này là:...........................................................................................................................................................3. Bài thơ này gợi cho tôi những suy nghĩ về............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ |

(2) Từ phiếu tìm ý, em lập dàn ý bằng cách điền vào sơ đồ sau:

Tên bài thơ, tên tác giả…………………………………................

Cảm nghĩ chung về bài thơ……………………………...............

Cảm xúc, suy nghĩ về nét độc đáo thứ nhất: .......................

Bằng chứng: ................................................................................

Cảm xúc, suy nghĩ về nét độc đáo thứ hai: .......................

Bằng chứng ……………………………………...........................

Khẳng định lại cảm nghĩ ………………………………………... .................

Ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân: ……….............................

(3) Dựa trên sơ đồ dàn ý, em viết đoạn văn, trong khi viết, đối chiếu với *Bảng kiểm viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ*  trong SGK để đảm bảo viết đúng yêu cầu.

*Lưu ý:* GV có thể tổ chức cho HS thực hiện hoạt động (3) ở nhà.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:*HS trình bày phiếu tìm ý, sơ đồ dàn ý và đoạn văn đã viết trong nhóm hoặc trước lớp.

*Lưu ý:* Nếu làm ở nhà, HS sẽ trình bày sản phẩm trong tiết *Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm* được tổ chức trên lớp sau đó.

*\* Kết luận, nhận định:*

–GV nhận xét về sự hợp lí của dàn ý.

– Về đoạn văn: GV sẽ tổ chức cho HS tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau và chỉnh sửa đoạn văn của mình ở hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

**3. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

**3.1. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa**

***a. Mục tiêu:***

– Biết cách xem lại và chỉnh sửa đoạn văn của bản thân.

– Nhận xét được đoạn văn của HS khác trong lớp.

***b. Sản phẩm:***

–Đoạn văn (viết lần một) có sự chỉnh sửa.

–Ý kiến nhận xét, đánh giá bài viết lẫn nhau của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*:

 (1) HS dùng bảng kiểm trong SGK, tự kiểm tra lại đoạn văn và tự chỉnh sửa.

 (2) Sau khi hoàn thành việc tự chỉnh sửa, GV mời một số HS đọc đoạn văn trước lớp và mời các HS khác nhận xét dựa vào bảng kiểm.

*\* Thực hiện nhiệm vụ*:

 – Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ 1.

 – Sau đó, HS thực hiện nhiệm vụ 2 với hình thức toàn lớp.

*\* Báo cáo, thảo luận:*Đối với nhiệm vụ 2, GV mời một số HS đọc đoạn văn trước lớp, các HS khác góp ý, nhận xét về đoạn văn của bạn dựa vào bảng kiểm.

*\* Kết luận, nhận định:*GV đánh giá và nhận xét trên hai phương diện:

– Ưu điểm cần phát huy và điểm cần chỉnh sửa trong các đoạn văn của HS.

– Cách nhận xét, đánh giá bài viết dựa vào bảng kiểm của HS (*HS đã biết sử dụng bảng kiểm chưa? HS có nhận ra những ưu điểm, những điểm cần khắc phục trong đoạn văn của bản thân và các bạn hay không?,.*..). Trong trường hợp HS chưa biết dùng bảng kiểm, GV sử dụng kĩ thuật *nói to suy nghĩ* để hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm và nhận xét.

**3.2. Hoạt động rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:*** Rút ra được kinh nghiệm khi viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.

***b. Sản phẩm:*** Phần ghi trên giấy ghi chú về bài học kinh nghiệm viết đoạn văn.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*:Mỗi HS ghi ít nhất hai bài họckinh nghiệm về viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.

*\* Thực hiện nhiệm vụ*: HS ghi lại bài học.

*\* Báo cáo, thảo luận:*HS dán giấy ghi chú lên bảng.

*\* Kết luận, nhận định:*GV chọn đọc ngẫu nhiên một số giấy ghi chú, tổng kết, nhận xét, đánh giá*.*

**D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (15 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Điều chỉnh đoạn văn đã viết hoặc viết được một đoạn văn khác, ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.

***b. Sản phẩm:*** Đoạn văn được công bố của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*:GV cho HS về nhà lựa chọn một trong hai nhiệm vụ sau:

(1) Sửa lại đoạn văn của bản thân cho hoàn chỉnh và công bố.

(2) Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.

*\* Thực hiện nhiệm vụ*: HS về nhà thực hiện nhiệm vụ học tập.

*\* Báo cáo, thảo luận:*HS công bố một trong hai loại sản phẩm được giao trên trang web hoặc bảng tin học tập của lớp:

– Đoạn văn đã được chỉnh sửa và viết lại lần 2 (nộp kèm với bản viết lần một để thấy rõ sự chỉnh sửa).

– Đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ đã chọn.

*\* Kết luận, nhận định:*

– GV nhận xét về thái độ tích cực, chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS.

– GV nhận xét về kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS: đánh giá sự tiến bộ về mặt kĩ năng viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ so với lần viết thứ nhất (ví dụ: HS có sự tiến bộ ở thao tác nào, những điểm chưa tốt nào ở lần viết thứ nhất đã được cải thiện ở lần viết thứ hai, cần tiếp tục rèn luyện thêm ở thao tác nào và bằng cách nào,…).

**NÓI VÀ NGHE**

 **THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

*Thời gian thực hiện: 2 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

1. **Về kiến thức**

Cách thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống.

**2.Năng lực**

*a. Năng lực chung*

Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với phương tiện phi ngôn ngữ để thảo luận một vấn đề trong đời sống; Lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận ra được ngữ cảnh giao tiếp, đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp.

b. *Năng lực đặc thù*

Biết thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

**3. Về phẩm chất**

Tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao.

 **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

– Máy chiếu, bảng, phấn.

– SGK*,* SGV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU ( 5 phút)**

***a. Mục tiêu:***

– Kích hoạt kiến thức nền về cách thảo luận nhóm.

– Xác định được nhiệm vụ học tập cần thực hiện của bài học.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*HS trả lời câu hỏi:

(1) Nêu hai biện pháp em cho là cần thiết để tăng tính hiệu quả của các cuộc thảo luận.

(2) Đọc lướt nội dung bài học trong SGK, xác định nhiệm vụ học tập mà các em cần thực hiện trong bài học này.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS tìm câu trả lời, sau đó chia sẻ với bạn.

*\* Báo cáo, thảo luận:* Một số HS trình bày câu trả lời, các HS khác bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:*GV ghi tóm tắt các ý kiến dưới dạng từ/ cụm từ lên bảng, gạch chân những biện pháp then chốt, sau đó, tổng hợp ý kiến của HS và dẫn dắt vào bài học: *Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống*.

**B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI ( 40 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Vẽ được sơ đồ tóm tắt các bước thảo luận.

***b. Sản phẩm*:** Sơ đồ của nhóm HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*HS đọc các chấm tròn trong SGK, vẽ sơ đồ tóm tắt các bước của tiến trình thảo luận về một vấn đề trong đời sống.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*Nhóm hai HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:*Các nhóm trình bày sơ đồ, góp ý lẫn nhau.

*\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét sơ đồ của HS và giới thiệu sơ đồ ba bước, gồm các nội dung:

**Bước 1: Chuẩn bị:** Thành lập nhóm 🡪 Xác định đề tài 🡪 Thống nhất đề tài, mục tiêu, thời gian thảo luận 🡪 Chuẩn bị nội dung thảo luận.

**Bước 2:** Thảo luận: Thảo luận trong nhóm nhỏ 🡪 Thảo luận giữa các nhóm.

**Bước 3:** Suy ngẫm, rút kinh nghiệm.

**C. HOẠT ĐỘNG 3:**  **LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG (45 phút)**

**1. Hoạt động thực hiện nhiệm vụ nói và nghe**

**1.1. Hoạt động chuẩn bị**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được đề tài thảo luận, phác thảo được nội dung phiếu chuẩn bị thảo luận.

***b. Sản phẩm:*** Phiếu chuẩn bị thảo luận nhóm, phiếu ghi chép nội dung thảo luận.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

(1) Mỗi HS liệt kê hai đề tài mà em quan tâm, sau đó, chia sẻ trong nhóm 6 HS. Tiếp theo, nhóm thống nhất chọn một đề tài mà nhóm thấy thiết thực gần gũi, được nhiều thành viên trong nhóm quan tâm.

(2) Nhóm thống nhất đề tài, mục tiêu, thời gian thảo luận bằng cách điền vào phiếu sau:

|  |
| --- |
| **PHIẾU CHUẨN BỊ THẢO LUẬN NHÓM (1)**1. Đề tài thảo luận: ....................................................................................................................2. Mục tiêu thảo luận:3. Thời gian thảo luận: ................................................................................................................................... |

 (3) Nhóm điền vào phiếu chuẩn bị nội dung thảo luận:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU CHUẨN BỊ THẢO LUẬN NHÓM (2)****Đề tài thảo luận:** …………………...........................................................................................**I. CÁC Ý KIẾN, LÍ LẼ, BẰNG CHỨNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý kiến của tôi** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** |
| … | … | … |
| … | … | … |

**II. DỰ KIẾN CÁC Ý KIẾN TRÁI CHIỀU VÀ Ý KIẾN PHẢN HỒI**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ý kiến trái chiều** | **Dự kiến ý kiến phản hồi** |
| … | … |
| … | … |
| … | … |

 |

*Lưu ý*: GV có thể cho mỗi HS thực hiện hoạt động (3) ở nhà hoặc thực hiện trên lớp.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*HS lần lượt thực hiện ba nhiệm vụ học tập.

*\* Báo cáo, thảo luận*:

(1), (2) Đại diện các nhóm trình bày đề tài thảo luận, các nhóm khác góp ý về sự phù hợp của đề tài mà các nhóm đã chọn (có tính thực tế, nằm trong sự quan tâm của nhiều người), mục tiêu thảo luận (cụ thể, rõ ràng, có thể đạt được).

(3) Tổ chức thực hiện trong hoạt động *1.2. Hoạt động thảo luận.*

*\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét kết quả trình bày của các nhóm dựa trên các định hướng đã nêu ở mục trên, sau đó, chọn một số đề tài có vấn đề mà các nhóm đều quan tâm để các nhóm thảo luận tìm giải pháp giải quyết vấn đề.

**1.2. Hoạt động thảo luận**

***a. Mục tiêu:***

– Thảo luận tìm được giải pháp cho vấn đề đã chọn.

– Ghi chép tóm tắt ý kiến của các thành viên.

 ***b. Sản phẩm:***

– Giải pháp cho vấn đề đã chọn.

– Bản tóm tắt ý kiến của các thành viên.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

(1) Nhóm trưởng điều hành nhóm thảoluận về vấn đề mà nhóm đã chọn dựa trên Phiếu chuẩn bị thảo luận nhóm (phiếu số 2) theo nguyên tắc lượt lời; thư kí ghi chép dựa trên mẫu phiếu sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ý kiến trình bày** | **Ý kiến phản hồi**  |
| Bạn: …………………………………….. | Bạn: …………………………………….. |
| Bạn: …………………………………….. | Bạn: …………………………………….. |
| … | .... |

(2) Đề cử người thay mặt nhóm, tham gia cuộc thảo luận, tranh luận giữa các nhóm.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Các nhóm lần lượt thực hiện hai nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận*:

(3) Thực hiện hoạt động (2) như sau:

– GV mời ngẫu nhiên hai nhóm đứng trước lớp.

– Đại diện nhóm thứ nhất trình bày tóm tắt nội dung thảo luận của nhóm.

– Nhóm thứ hai lắng nghe, chú ý những ý kiến mình không đồng tình hoặc chưa rõ giải pháp và nêu câu hỏi.

– Nhóm thứ nhất trả lời.

– Các nhóm khác nêu câu hỏi cho nhóm bạn, nghe nhóm bạn phản hồi và tranh luận.

*\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét, kết luận về những kĩ năng thảo luận theo định hướng sau:

– Giải pháp các nhóm nêu ra có phù hợp, có góp phần giải quyết được vấn đề đã chọn.

– Kĩ năng thảo luận: có tuân theo nguyên tắc lượt lời, có tôn trọng ý kiến người khác, lí lẽ, bằng chứng có thuyết phục,...

**2. Hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:*** Rút kinh nghiệm về cách thảo luận.

***b. Sản phẩm:*** Kinh nghiệm của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* Mỗi HS rút ra ít nhất hai kinh nghiệm của bản thân về cách thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận*: Mời một số HS, mỗi em nêu một kinh nghiệm mà mình tâm đắc nhất, HS sau không lặp lại ý kiến của HS trước.

*\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét, kết luận về những kĩ năng cần có khi thảo luận:

– Chọn đề tài được nhiều người quan tâm, phù hợp với lứa tuổi.

– Xác định mục tiêu cụ thể cần đạt của cuộc thảo luận.

– Nêu được những lí lẽ, bằng chứng thuyết phục.

– Tuân thủ nguyên tắc lượt lời.

**ÔN TẬP**

*Thời gian thực hiện: 1 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học trong bài để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

Bảng, phấn/ viết lông, SGK, SGV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động trình bày các câu hỏi ôn tập**

***a. Mục tiêu:*** Trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà.

***b. Sản phẩm:***Câu trả lời cho các câu hỏi Ôn tập của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS xem lại phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà, sau đó trình bày kết quả theo hình thức nhóm đôi.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS xem lại, chỉnh sửa, hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà, sau đó chia sẻ với bạn cùng nhóm đôi.

*\* Báo cáo, thảo luận*: HS trình bày kết quả phần chuẩn bị. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS. Sau đó, GV kết luận những kiến thức trọng tâm về kĩ năng đọc, viết, nói và nghe đã được học.

GV nhận xét, đánh giá về sản phẩm của HS dựa trên định hướng sau:

**Câu 1:** HS tự trả lời dựa vào SGK.

**Câu 2:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | ***Quê hương*** | ***Bếp lửa*** | ***Mùa xuân nho nhỏ*** |
| **Một số hình ảnh, từ ngữ tiêu biểu** | Hình ảnh con thuyền: *hăng như con tuấn mã, phăng mái chèo*; hình ảnh cánh buồm: *giương to như mảnh hồn làng/ rướn thân trắng*; hình ảnh dân chài: *da ngăm rám nắng/ cả thân hình nồng thở vị xa xăm*,… | Hình ảnh bếp lửa, ngọn lửa: *chờn vờn sương sớm, ấp iu nồng đượm,..;* hìnhảnh bà: *ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng, dạy cháu làm, chăm cháu học, nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm, nhóm yêu thương,...* | Hình ảnh mùa xuân của đất trời: *dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, từng giọt long lanh rơi,*); hình ảnh mùa xuân của đất nước: *lộc giắt đầy trên lưng, lộc trải dài nương mạ, hối hả, xôn xao, đất nước như vì sao;* tâm nguyện của tác giả: *làm con chim hót, làm một cành hoa, nhập vào hoà ca, mùa xuân nho nhỏ,…* |
| **Biện pháp tu từ chủ yếu** | So sánh, nhân hoá | Ẩn dụ, điệp từ, điệp ngữ | Ẩn dụ, điệp từ, điệp ngữ, so sánh |
| **Cách** **gieo vần** | Vần chân, vần liền (*giang/ làng, sông/ hồng, trắng/ nắng, xăm/ nằm*), vần cách (*vôi*/ *khơi)* | Vần chân, vần liền (*xa/ bà, thế/ về, nhọc/ học, rụi/ lụi, bùi/ vui*)Vân chân, vần thông (*khói/ mỏi, Huế/ thế*,…) | Vần chân, vần liền (*trời/ rơi, mạ/ hả, lao/ sao, bình/ mình/ tình*).Vân chân, vần thông (*biếc/ chiện, hoa/ ca*) |
| **Chủ đề** | Hình ảnh quê hương qua bức tranh sinh hoạt làng chài vùng biển trong nỗi nhớ của tác giả  | Hình ảnh bếp lửa và hình ảnh người bà luôn theo suốt cuộc đời của tác giả, đã trở thành những trang kí ức ấm áp thiêng liêng | Ước nguyện được đóng góp phần nhỏ bé của mình vào việc làm nên mùa xuân tươi đẹp của quê hương, đất nước |
| **Cảm hứng chủ đạo** | Cảm hứng ca ngợi cuộc sống lao động của người dân làng chài | Cảm hứng ngợi ca hình ảnh bếp lửa ấm áp, thiêng liêng được nhóm lên từ bàn tay và tấm lòng của bà | Cảm hứng ngợi ca sức sống thanh xuân của đất nước, con người, cảm hứng về ước nguyện được dâng hiến, sự đóng góp sức mình để làm cho đất nước ngày càng giàu đẹp  |

**Câu 3:** HS cần viết được một câu có sử dụng biện pháp chơi chữ (có thể gợi ý HS sử dụng hiện tượng đồng âm, gần âm, nói lái,…) và nêu tác dụng của biện pháp này. GV cần lưu ý HS viết những câu có ý nghĩa bất ngờ, thú vị, hài hước, phù hợp với lứa tuổi học trò; tránh viết những câu có ý nghĩa dung tục.

**Câu 4:** Sự hài hoà về âm thanh trong hai dòng thơ có thể được làm nên bởi nhiều yếu tố: vần thơ, nhịp thơ, sự điệp thanh, sự điệp vần,… Ngoài vần thơ, nhịp thơ (là các yếu tố HS đã quen thuộc), GV cần lưu ý HS tìm những điểm đặc biệt về thanh điệu, về vần trong hai dòng thơ. Chẳng hạn, trong hai dòng thơ đã cho, chúng ta thấy có sự lặp lại các âm tiết có vần “an” (*Lan – tan – tràn*), vần “ương” (*đường – dương – sương*), vần “ăng” (*trắng – nắng*); sự lặp lại các thanh bằng (***Em ơi, Ba Lan mùa*** *tuyế****t tan / Đường*** *bạch* ***dương sương*** *trắng nắng* ***tràn***). Tất cả những yếu tố này đã làm nên sự hài hoà về âm thanh, làm nên nhạc tính cho đoạn thơ.

**Câu 5, 6, 7**: HS trả lời dựa trên cảm nhận và trải nghiệm cá nhân. Riêng đối với câu 7, GV nhận xét về tấm thẻ của HS trên các phương diện:

– Nội dung: thông tin ngắn gọn hữu ích, thiết thực, có thể vận dụng vào thực tế.

– Hình thức trình bày: đẹp, màu sắc hài hoà, phân biệt rõ những điều nên làm và nên tránh bằng cỡ chữ, kiểu chữ, màu sắc.

**2. Hoạt động thảo luận về câu hỏi lớn của chủ điểm**

***a. Mục tiêu:***

 – Củng cố được kiến thức đã học về đọc, tiếng Việt, viết, nói và nghe trong bài học.

 – Nêu được một số cách HS có thể làm để thể hiện tình yêu quê hương.

 ***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS cho câu hỏi số 8 trong SGK.

 ***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*Mỗi HS ghi lên giấy ghi chú hai việc mà mỗi người có thể làm để thể hiện tình yêu quê hương.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện.

*\* Báo cáo, thảo luận*:HS dán câu trả lời lên bảng.

*\* Kết luận, nhận định:* GV chọn đọc một số ý kiến hay của HS, chia sẻ với các em những việc mà HS có thể làm để góp phần xây dựng quê hương.